

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ THÁI HOÀ
TỈNH NGHỆ AN**

Bản án số: 39/2019/HS-ST

Ngày 26 tháng 6 năm 2019

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THÁI HOÀ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Văn Diên.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Ngô Sỹ Lượng.
2. Ông Nguyễn Thanh Tùng.

- Thư ký phiên toà: Ông Hồ Xuân Quyền - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Thái Hoà, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thái Hoà, tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Khắc Thạch - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 6 năm 2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân thị xã Thái Hoà, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 37/2019/TLST-HS ngày 04 tháng 6 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2019/QĐXXST-HS ngày 14/6/2019, đối với bị cáo:

Họ và tên: Trương Anh Đ - Tên gọi khác: Không; sinh ngày 17 tháng 3 năm 1985, tại thị xã T, tỉnh Nghệ An; Nơi ĐKKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm T, xã N, thị xã T, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Hồng C, sinh năm 1956 và bà Trương Thị B, sinh năm 1957; vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1980; con: Có 02 con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2017; tiền án: Ngày 15/4/2011 bị Tòa án nhân dân tỉnh N xử 03 (ba) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 49/2011/HSPT; Ngày 22/01/2015 bị Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Nghệ An xử 01 (một) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 08/2015/HSST; tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại (có mặt).

- Người bị hại: Anh Nguyễn Cảnh S, sinh năm 1977.

Trú tại: Khố T, phường H, thị xã T, tỉnh Nghệ An (vắng mặt).

Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1960.

Trú tại: Xóm Đ, xã N, thị xã T, tỉnh Nghệ An (vắng mặt).

Anh Đoàn Văn H, sinh năm 1996.

Trú tại: Xóm Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An (vắng mặt).

Chị Trần Thị Như H, sinh năm 1987.

Trú tại: Khôi Đ, phường H, thị xã T, tỉnh Nghệ An (vắng mặt).

Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1995.

Trú tại: Xóm Đ, xã Đ, huyện Q, tỉnh Nghệ An (vắng mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1985.

Trú tại: Xóm V, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An (vắng mặt).

Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1989.

Trú tại: Xóm Đ, xã Đ, thị xã T, tỉnh Nghệ An (vắng mặt).

Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1980.

Trú tại: Xóm T, xã N, thị xã T, tỉnh Nghệ An (có mặt).

- Người làm chứng: Anh Chu Quang V, sinh năm 1985.

Trú tại: Xóm H, xã T, thị xã T, tỉnh Nghệ An (vắng mặt).

Bà Trương Thị B, sinh năm 1957.

Trú tại: Xóm T, xã N, thị xã T, tỉnh Nghệ An (vắng mặt).

Anh Hoàng Văn V, sinh năm 1987.

Trú tại: Xóm H, xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án tóm tắt như sau:

Khoảng thời gian từ ngày 09/5/2018 đến ngày 10/3/2019, Trương Anh Đ đã thực hiện 05 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn thị xã T và huyện Q cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 21 giờ ngày 09/5/2018, Trương Anh Đ đi đến xóm Đ, xã N, thị xã T. Khi đi qua lô cam của gia đình bà Nguyễn Thị H thấy lô cam không có người trông giữ, Đ lên vào từ cổng chính của lô cam đi vào lấy trộm 01 chiếc máy bơm nước nhãn hiệu CAPWA, dài 1,2 mét, đường kính 6cm, vỏ bằng kim loại đem về nhà cất dấu để sử dụng.

Vụ thứ 2: Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 03/12/2018, Trương Anh Đ điều khiển xe máy của gia đình mang BKS: 37H1-510xx đến nhà Chu Quang V trú tại xóm H, xã T, thị xã T để rủ V đi đến Bệnh viện đa khoa khu vực T Nghệ An. Sau khi đến bệnh viện, Đ gửi xe rồi cả hai vào toà nhà 5 tầng, đi lên tầng 5 rồi đi xuống tầng 4, Chu Quang V ngồi ở sảnh xem tivi, Đ đi đến phòng bệnh số 3, khoa ngoại lên vào phòng lấy trộm 01 chiếc điện thoại Iphone 6 màu đen của anh Đoàn Văn H đang cắm sạc pin ở đầu giường bỏ vào túi quần bên trái và đi ra gọi V xuống lấy xe để về. Trên đường về, Đ nói với V việc Đ mới trộm được một chiếc điện thoại và rủ V đi lên huyện Q để bán nhưng khi đi lên huyện Q không tìm được nơi tiêu thụ nên quay về. Đ đem điện thoại về nhà mình cất dấu. Sáng ngày 04/12/2018, Đ sử dụng xe máy của gia đình mình đến nhà chủ Chu Quang V xuống ngã ba Đ, thị xã T. V dừng xe trước cửa hàng điện thoại “H MOBILE” của anh Nguyễn Văn H. Đ đi vào và bán chiếc điện thoại trộm cắp được cho anh H với giá 700.000đ (bảy trăm nghìn đồng). Đ dùng 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) đi chuộc điện thoại cho vợ là Nguyễn Thị H, số tiền còn lại Trương Anh Đ và Chu Quang V tiêu xài hết.

Vụ thứ 3: Khoảng 13 giờ 15 phút ngày 02/01/2019, Trương Anh Đ điều khiển xe máy của gia đình mình, BKS: 37H1-510xx đi đến khu vực khối Đ, phường H, thị xã T, quan sát thấy xưởng cơ khí của gia đình chị Trần Thị Như H không có người trông giữ, Đ lên vào theo hướng cửa chính lấy trộm 01 chiếc máy hàn điện tử nhãn hiệu OSHIMA, công suất 250W rồi đi ra điều khiển xe máy đem chiếc máy hàn đi lên huyện Q để tìm nơi tiêu thụ. Khi đến khu vực xóm H, xã T, huyện Q, Đ đi vào xưởng cơ khí của anh Hoàng Văn V để hỏi bán máy hàn, nhưng anh V không mua, lúc này có người đàn ông tên B đến xưởng cơ khí của anh V chơi, hỏi mua. Đ đã bán chiếc máy hàn trộm được cho người đàn ông tên B với giá 800.000đ (tám trăm nghìn đồng). Sau khi bán được máy hàn, Đ về nhà và tiêu xài hết số tiền trên.

Vụ thứ 4: Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 02/3/2019, Trương Anh Đ điều khiển xe máy của gia đình mình BKS: 37H1- 510xx đến khu vực khối T, phường H, thị xã T thấy xưởng cơ khí của anh Nguyễn Cảnh S không có người trông giữ. Đ lên vào bên trong theo hướng cửa chính lấy trộm 01 chiếc máy hàn nhãn hiệu “Hồng Ký” đem ra ngoài, rồi điều khiển xe máy đến khu vực xã N, huyện N bán cho anh Nguyễn Văn N với giá 500.000đ (năm trăm nghìn đồng). Sau khi bán được máy hàn, Đ về nhà và tiêu xài hết số tiền trên.

Vụ thứ 5: Khoảng 10/3/2019, Trương Anh Đ điều khiển xe máy của gia đình mình BKS: 37H1- 510xx đi lên huyện Q. Khi đến đoạn đường thuộc xóm Đ, xã Đ, huyện Q, Đ dừng xe đi vào nhà chị Nguyễn Thị H để hỏi đường. Khi vào không gặp ai, Đ gọi nhưng không thấy ai trả lời. Đ quan sát thấy tại phòng ngủ của chị H có 01 chiếc điện thoại SAMSUNG GALAXY J7 đang cắm sạc pin. Đ đã lấy trộm bỏ vào túi quần bên trái rồi đi ra điều khiển xe máy trở về nhà cất dấu.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 03/KLĐG ngày 15/3/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự kết luận: 01 chiếc điện thoại Iphone 6 màu xám đen đã qua sử dụng có số IMEL 359299066814679 có giá trị là 1.700.000đ; 01 chiếc điện thoại Sam sung GALAXY J7 màu vàng đã qua sử dụng có số IMEL 353415081056866 có giá trị 2.200.000đ; 01 chiếc máy hàn nhãn hiệu “Hồng Ký” vỏ bên ngoài màu đỏ đã qua sử dụng có giá trị 1.500.000đ; 01 chiếc máy bơm dạng tên lửa, nhãn hiệu “CAPWA” màu trắng đã qua sử dụng có giá trị 1.000.000đ; 01 chiếc máy hàn điện tử, nhãn hiệu “OSHIMA” công suất 250W đã qua sử dụng có giá trị 1.500.000đ. Tổng trị giá: 7.900.000đ (bảy triệu, chín trăm nghìn đồng).

Tại bản Cáo trạng số: 42/CT-VKS ngày 03 tháng 6 năm 2019, của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thái Hoà đã truy tố Trương Anh Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 - BLHS.

Tại phiên toà, Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm như đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 - BLHS: Xử phạt bị cáo Trương Anh Đ từ 30 (ba mươi) đến 36 (ba mươi sáu) tháng tù.

Hình phạt bổ sung: Xét bị cáo nghề nghiệp lao động tự do, thu nhập thấp nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Những người bị hại anh Nguyễn Cảnh S, chị Nguyễn Thị H1, chị Nguyễn Thị H2 đã nhận lại được tài sản do bị cáo trộm cắp và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

Đối với người bị hại anh Đoàn Văn H đã nhận lại tài sản do bị cáo trộm cắp. Hiện tại anh H vắng mặt tại địa phương, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này anh H có yêu cầu thì giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn H đã được bị cáo bồi thường toàn bộ số tiền anh đã mua điện thoại của bị cáo nên anh không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 48 - BLHS: Buộc bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm cho người bị hại chị Trần Thị Như H số tiền 1.500.000đ (một triệu, năm trăm nghìn đồng).

Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn N không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền mà anh đã mua tài sản của bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này anh N có yêu cầu thì giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

Về vật chứng vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 47 - BLHS; điểm b khoản 3 Điều 106 - BLTTHS: Trả lại cho chị Nguyễn Thị H 01 chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA Sirius màu đỏ đen BKS 37H1 - 510.xx số khung DY-755xxx, số máy 5C63755xxx, đăng ký mang tên Trương Anh Đ.

Các vật chứng khác Cơ quan CSĐT Công an thị xã T đã trả lại cho chủ sở hữu đúng quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí theo luật định.

Bị cáo nhất trí về tội danh, mức hình phạt mà Đại diện Viện kiểm sát đề nghị, bị cáo không tranh luận gì, chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại và lời khai của những người tham gia tố tụng khác trong quá trình điều tra cũng như vật chứng thu giữ được. Lời khai nhận tội của bị cáo còn phù hợp với các tài liệu,

chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án được đưa ra xem xét tại phiên tòa. Từ đó đã xác định được: Khoảng thời gian từ ngày 09/5/2018 đến ngày 10/3/2019, Trương Anh Đ đã lén lút, lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu, đã thực hiện năm vụ trộm cắp tài sản của những người bị hại gồm anh S, anh H, chị H, chị Trần Thị Như H và chị Nguyễn Thị H với tổng giá trị tài sản là 7.900.000đ (bảy triệu, chín trăm nghìn đồng). Mặc dù bị cáo thực hiện năm vụ trộm cắp tài sản nhưng bị cáo có nghề nghiệp, thu nhập và không lấy các lần phạm tội làm nghề sinh sống, không lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính nên hành vi phạm tội của bị cáo không mang tính chất chuyên nghiệp. Tuy nhiên bị cáo là đối tượng đang có tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” trong trường hợp đã tái phạm, chưa được xóa án tích nay lại tiếp tục phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Như vậy bị cáo phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 -BLHS như Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thái Hoà đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Vụ án thuộc loại nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, mà còn gây tâm lý hoang mang cho quần chúng nhân dân trong việc quản lý tài sản, gây bất bình trong xã hội, gây mất trật tự trị an trên địa bàn. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực pháp luật hình sự, ý thức được tài sản của người khác là bất khả xâm phạm nhưng với bản chất lười lao động, lại muốn có tiền tiêu xài nên vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Mặc dù bị cáo là đối tượng đã được pháp luật giáo dục nhiều lần nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học tự răn đe, giáo dục, rèn luyện bản thân mà lại tiếp tục phạm tội. Vì vậy cần xét xử nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ điều kiện cải tạo giáo dục riêng bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần nên cần áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 - BLHS để tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Tuy nhiên cũng cần xem xét cho bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 - Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự thì bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo nghề nghiệp lao động tự do, thu nhập thấp. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Những người bị hại anh Nguyễn Cảnh S, chị Nguyễn Thị H1, chị Nguyễn Thị H2 và đều vắng mặt tại phiên tòa nhưng qua đơn xin xét xử vắng mặt đều trình bày đã nhận lại được tài sản do bị cáo trộm cắp và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử miễn xét.

Người bị hại anh Đoàn Văn H đã nhận lại tài sản do bị cáo trộm cắp. Hiện tại anh H vắng mặt tại địa phương, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Người bị hại chị Trần Thị Như H vắng mặt tại phiên tòa nhưng qua đơn xin xét xử vắng mặt, chị H yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm số tiền 1.500.000đ. Tại phiên tòa bị cáo chấp nhận bồi thường số tiền trên theo yêu cầu của chị H. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 48; các Điều 584; 585; 586 và Điều 589 - BLDS buộc bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường cho chị Trần Thị Như H số tiền 1.500.000đ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh H, anh N vắng mặt tại phiên tòa nhưng qua đơn xin xét xử vắng mặt anh H trình bày đã được bị cáo bồi thường toàn bộ số tiền anh đã mua điện thoại của bị cáo nên anh không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, anh N không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền mà anh đã mua tài sản do bị cáo trộm cắp nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[6] Vật chứng vụ án: Trả lại cho chị Nguyễn Thị H (vợ bị cáo Đ) 01 chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA Sirius màu đỏ đen BKS 37H1 - 510.xx số khung DY-755xxx, số máy 5C63755xxx, đăng ký mang tên Trương Anh Đ theo khoản 2 Điều 47 - BLHS; điểm b khoản 3 Điều 106 - BLTTHS.

Các vật chứng khác Cơ quan cảnh sát điều tra đã xử lý trả lại cho chủ sở hữu đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[7] Đối với Chu Quang V là người cùng tham gia tiêu thụ tài sản là chiếc điện thoại Iphone 6 do bị cáo Trương Anh Đ trộm cắp. Sau khi bán được điện thoại V hưởng thụ một phần giá trị nhỏ và hành vi trộm cắp của Trương Anh Đ có giá trị dưới 2.000.000đ, nên Cơ quan CSĐT Công an thị xã T đã xử phạt hành chính đối với Chu Quang V là đúng quy định của pháp luật.

Đối với Nguyễn Văn H là người đã mua chiếc điện thoại Iphone 6 do bị cáo Trương Anh Đ trộm cắp; Nguyễn Văn N là người mua chiếc máy hàn nhãn hiệu “Hồng Ký” do Trương Anh Đ trộm cắp nhưng anh H, anh N không biết tài sản đó là do trộm cắp mà có nên không phạm tội.

Đối với người đàn ông tên B đã mua chiếc máy hàn nhãn hiệu OSHIMA do Trương Anh Đ trộm cắp tại xưởng cơ khí của anh Hoàng Văn V tại xóm H, xã T, huyện Q. Quá trình điều tra và tại phiên tòa chưa xác định được lai lịch cụ thể của người đàn ông tên B. Do đó đề nghị Cơ quan CSĐT Công an thị xã T tiếp tục điều tra xử lý theo quy định.

[8] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 - BLHS:

Tuyên bố bị cáo Trương Anh Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trương Anh Đ 30 (ba mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 - BLHS; các Điều 584; 585; 586 và Điều 589 - BLDS: Buộc bị cáo Trương Anh Đ phải có nghĩa vụ bồi thường cho chị Trần Thị Như H số tiền số tiền 1.500.000đ (một triệu, năm trăm nghìn đồng).

Về vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 47 - BLHS; điểm b khoản 3 Điều 106 - BLTTHS: Trả lại cho chị Nguyễn Thị H (vợ bị cáo Đ) 01 chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA Sirius màu đỏ đen BKS 37H1 - 510.xx số khung DY-755xxx, số máy 5C63755xxx, đăng ký mang tên Trương Anh Đ.

Toàn bộ số tang vật trên hiện có tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Thái Hoà theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/6/2019 giữa Công an thị xã Thái Hoà và Chi cục thi hành án dân sự thị xã Thái Hoà.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 - BLTTHS; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án (kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án): Buộc bị cáo Trương Anh Đ phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí HSST và 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí DSST.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị H có mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An. Tất cả những người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh N, anh H vắng mặt, được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo; Người bị hại;
- Người có QL & NV liên quan;
- Công an thị xã Thái Hòa;
- VKSND thị xã Thái Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Thái Hòa;
- Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Sở tư pháp tỉnh Nghệ An;
- UBND xã, phường nơi bị cáo cư trú;
- Lưu HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Văn Diên

